

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/DS-PT

Ngày: 04 – 01 – 2024

V/v: “Tranh chấp nợ hui”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Luông.

Các Thẩm phán: Ông Võ Thái Sơn.

Bà Võ Thị Phụng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Minh Nhật – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:** Bà Đặng Kim Quang
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 152/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp nợ hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2023/DS-ST, ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 179/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị B; Sinh năm 1963; Địa chỉ ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh H(Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Phạm N D; Sinh năm 1980; Địa chỉ ấp Phú Bình, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn N T; Sinh năm 1990; Địa chỉ ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh H(Vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Đặng T T; Sinh năm 1963; Địa chỉ ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh H(Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Lê Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, đồng thời tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 2013 nguyên đơn tổ chức hội và làm chủ hội có bị đơn Nguyễn N T tham gia 2 chân hội, cụ thể như sau:

Chân hội thứ nhất: Loại hội tháng 5.000.000 đồng, mở ngày 10/02/2013 (âl) gồm có 25 phần, bị đơn tham gia 01 phần đóng được 3 lần hội sống, đến ngày 13/5/2013 (âl), bị đơn kêu giá bao nhiêu không nhớ nhưng hốt hội được 70.680.000 đồng, lúc nhận tiền hội có làm biên nhận cho nguyên đơn. Sau khi hốt bị đơn có đóng hội chết đến ngày 10/12/2013 (âl). Hiện bị đơn còn nợ hội chết là 16 lần số tiền 80.000.000 đồng.

Chân hội thứ hai: Loại hội tháng 3.000.000 đồng, mở ngày 25/5/2013 (âl), có 25 phần, bị đơn tham gia 01 phần, đến ngày 28/7/2013 bị đơn Nguyễn N T kêu hốt giá bao nhiêu không nhớ nhưng hốt hội được 48.500.000 đồng, có làm biên nhận cho nguyên đơn. Sau khi hốt bị đơn có đóng hội chết được 6 lần tính đến ngày 25/12/2013 (âl). Hiện còn lại 19 lần hội chết là 57.000.000 đồng. Tại thời điểm này nguyên đơn bị bế hội nên không có tiền đóng tạm ứng án phí. Nay nguyên đơn khởi kiện bị đơn trả 137.000.000 đồng tiền nợ hội và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 25/12/2013 đến nay là 08 năm với số tiền lãi suất là 68.390.000 đồng. Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi suất.

Quá trình tố tụng bị đơn Nguyễn N T trình bày:

Bị đơn không có tham gia chơi hội của nguyên đơn Lê Thị B, người tham gia chơi hội là mẹ của bị đơn là bà Đặng T T. Bị đơn có nhận tiền hội giúp cho bà Đặng T T lúc hốt hội được khoảng 70.000.000 đồng, do lúc đó bà Thắm đi mua bán bưởi, sau đó bị đơn đưa tiền lại cho bà Thắm. Lúc nhận tiền có ký vô giấy nhận tiền của nguyên đơn, sau đó thì bỏ giấy nhận tiền do hội đã hốt xong. Bà Thắm đã đóng lại tất cả các lần hội chết đầy đủ. Bị đơn cho rằng chữ ký trong giấy giao kèo chơi hội do nguyên đơn cung cấp không phải là chữ ký của bị đơn.

Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng T T trình bày:

Bà là người trực tiếp chơi hội với nguyên đơn Lê Thị B, bà có hót hội và đã đóng lại đầy đủ, hội đã mãn từ lâu và bà cũng không còn chơi hội với bà B. Khi nguyên đơn giao tiền hội con gái bà là bị đơn Nguyễn N T có nhận giúp bà và có làm biên nhận với nguyên đơn về Thùy đã đưa tiền hội lại cho bà, do con gái bà ở chung gia đình với bà và phụ giúp bà buôn bán trái cây.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2023/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị B đối với bị đơn Nguyễn N T để đòi số tiền 137.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/8/2023, bà Lê Thị B có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên việc rút yêu cầu tính lãi ở cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này. Ngoài ra phía người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 5.000.000 đồng hội chết do nguyên đơn tính nhầm, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền hội chết tổng cộng là 132.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi ở cấp sơ thẩm nhưng cấp sơ thẩm không đình chỉ. Tại phiên tòa phúc thẩm phía người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 5.000.000 đồng hội chết do nguyên đơn tính nhầm, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền hội chết tổng cộng là 132.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu đối với phần tiền lãi và 5.000.000 đồng tiền hội chết do nguyên đơn tính toán nhầm và đình chỉ đối với các yêu cầu này. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Nguyễn N T trả cho nguyên đơn 132.000.000 đồng tiền hội chết còn nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn bà Lê Thị B khởi kiện chị Nguyễn N T yêu cầu trả số tiền hui chết còn nợ, nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “tranh chấp nợ (hui)” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

[1.2] Bị đơn Nguyễn N T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng T T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không thuộc trường hợp bất khả kháng, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt.

[1.3] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01 tháng 8 năm 2023, nguyên đơn bà Lê Thị B có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn và đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét sự xác lập giao dịch hui giữa nguyên đơn và bị đơn: Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày năm 2013 có đứng ra tổ chức làm chủ hui cho bị đơn chị Nguyễn N T chơi hai chân hui và cung cấp được hai “Giấy giao kèo chơi hui” có ký tên Nguyễn N T theo quy định khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.1] Bị đơn cho rằng thực chất người chơi hui với nguyên đơn là mẹ của bị đơn là bà Đặng T T, bị đơn chỉ là người kêu hót hui và nhận tiền hui, làm biên nhận tiền hui là dùm cho mẹ bị đơn là bà Đặng T T, vì lúc đó bà Thắm đi mua bán vắng nhà. Đối với chữ viết và chữ ký trong hai văn bản nguyên đơn cung cấp cho Tòa án không phải là của bị đơn nhưng cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh hay yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết đó không phải là của mình làm căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bởi lẽ, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”. Xét sự kiện giao nhận tiền hui giữa nguyên đơn và bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cho rằng bị đơn đã kêu hót hết hai chân hui và nguyên đơn cũng đã giao đủ số tiền hót hui cho bị đơn. Bị đơn cũng thừa nhận có nhận tiền hui do nguyên đơn giao, có ký tên vào giấy nhận tiền nhưng sau đó đã bỏ giấy nhận tiền. Theo lẽ thông thường, trong giao dịch dân sự, việc giao nhận tiền giữa các bên thì bên giao tiền sẽ giữ biên nhận để làm căn cứ nếu sau này có phát sinh tranh chấp cho nên việc bị đơn

nói mình giữ biên nhận và đã làm mất là chưa hợp lý. Hơn nữa, bị đơn cho rằng mẹ bị đơn đã đóng hui chết đầy đủ cho nguyên đơn, hiện các dây hui đã mất nhưng bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh bị đơn cũng như mẹ của bị đơn đã đóng hui chết đầy đủ cho nguyên đơn. Tuy nhiên, do các bên đều thừa nhận nên có cơ sở để xác định việc giao nhận tiền hui giữa hai bên là có thật và buộc bị đơn có trách nhiệm trả tiền nợ hui chết cho nguyên đơn là có cơ sở.

[2.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng T T cho rằng: Bà là người trực tiếp chơi hui với nguyên đơn, khi bà đi vắng không có ở nhà thì con bà là Chị T kêu hót hui của nguyên đơn, ký tên nhận tiền hui về giao tiền hui lại cho bà là không có cơ sở. Bởi vì, trong suốt quá trình tố tụng bà Thẩm không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh bà có tham gia giao dịch hui với nguyên đơn như: kêu hót hui, đóng hui chết. Suốt quá trình tố tụng bà chỉ trình bày có nhận được tiền hui đã hót của nguyên đơn do con bà kêu và hót về giao tiền cho bà, bà đã đóng hui chết đầy đủ cho nguyên đơn và cũng không cung cấp giấy tờ gì để chứng minh bà là người trực tiếp tham gia giao dịch hui với nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xác định bà có giao dịch hui với nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn: Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn Nguyễn N T phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tổng số tiền hui còn nợ là có cơ sở.

[4] Đối với nhận định của cấp sơ thẩm cho rằng nguyên đơn khởi kiện có cung cấp chứng cứ là các biên nhận, bị đơn không thừa nhận chữ ký, chữ viết của bị đơn, nhưng nguyên đơn lại rút yêu cầu giám định nên cấp sơ thẩm không có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bác đơn khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ và chưa xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ của vụ án.

[5] Đối với việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tính lãi suất. Quá trình tố tụng nguyên đơn rút yêu cầu này nhưng cấp sơ thẩm không đình chỉ đối với yêu cầu này là thiếu sót lớn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 5.000.000 đồng hui chết do nguyên đơn tính nhầm, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền hui chết tổng cộng là 132.000.000 đồng là hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như đã phân tích ở trên có cơ sở để xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có phát sinh giao dịch hối. Bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh, đóng hối chết không còn nợ nguyên đơn, nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả tiền hối chết còn nợ cho nguyên đơn.

Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 227, 228, 271, 272, 273, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hộ, hối, biên, phường; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hối, biên, phường.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị B.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2023/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị B đối với bị đơn chị Nguyễn N T.

Buộc bị đơn chị Nguyễn N T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Lê Thị B số tiền hai đây hối là 132.000.000 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu đồng).

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính tiền lãi và yêu cầu trả 5.000.000 đồng tiền hối chết của nguyên đơn bà Lê Thị B đối với chị Nguyễn N T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn chị Nguyễn N T phải chịu 6.600.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn bà Lê Thị B được nhận lại số tiền 3.425.000 đồng (Ba triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010674 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu. Nguyên đơn bà Lê Thị B được nhận lại số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011339 ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 04/01/2023.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện Châu Thành;
- CC THADS huyện Châu Thành;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Luông